

油力特 CVTF NS-3

产品说明书

无级变速箱油由高性能全合成基础油和精心挑选的添加剂混合而成，包括摩擦改进剂、清洁分散剂、氧化抑制剂、粘度指数改进剂、腐蚀抑制剂和消泡剂。

该油是专为最新一代无级变速器(CVT)设计的自动变速器均衡油，该变速器通过钢制牵引链或皮带传输牵引力。与普通自动变速器相比，它提供了出色的动力传输比和更好的燃油经济性，许多汽车制造商已在越来越多的车型中采用CVT。

优点 / 用途

- * 优异的低温流动性，减少启动磨损
- * 提供出色的摩擦、氧化和热稳定性
- * 提供优异的稳定动力
- * 适用于各种密封圈

典型物性

测量项目	测量方法	单位	
比重 @ 15 °C	ASTM D 4052	kg/L	0.8385
闪点 (开口杯)	ASTM D 92	°C	198
倾点	ASTM D 97	°C	-45
运动粘度 @ 40°C	ASTM D 445	cSt	26.18
运动粘度 @ 100°C	ASTM D 445	cSt	6.201
粘度指数	ASTM D 2270	-	201
外观	Visual	-	青色

规格、认证及推荐

* 奥迪/大众	P/N G 052 180 (-A2)
* 奥迪/大众	P/N G 052 516 A2
* 宝马/ MINI/ PUNCH	EZL 799
* 宝马/ MINI/ PUNCH	EZL 799A
* 宝马	P/N 83 22 0 136 376
* 宝马	P/N 83 22 0 429 154
* 奇瑞	CVTF WCF-1
* 克莱斯勒/FCA	MOPAR CVTF+4 P/N 05191184A
* CHRYSLER / FCA	AMMIX CVTF- DFE
* DAIHATSU	AMMIX CVTF- DTC
* 道奇/吉普	NS-2
* DODGE/ JEEP	CVTF+4 P/N 05191184AA
* 福特	CFT23
* 福特	CFT30
* 福特	MERC C
* 福特	WSS-M2C933-A, MOTORCRAFT P/N XT-7-QCFT
* 通用汽车	CVTF I-GREEN2
* 通用汽车	CVT P/N 19260800
* 通用汽车	DEX-CVT
* 通用汽车	HP-CVT P/N19355873
* 本田	CVTF P/N 08200-9006
* 本田	HMMF P/N 08260-99904 [WITHOUT STARTING CLUTCH]
* 本田	HCF-2 P/N 08200-HCF2
* 现代/起亚	SP-CVT 1
* IDEMITSU	CVTF-EX1
* 马自达	CVTF 3320
* MAZDA	ZF CVT V1
* 三菱	DIAMOND GREEN CVTF-J1
* 三菱	DIAMOND GREEN CVTF-J4
* 日产	NS-1
* 日产	NS-2
* 日产	NS-3
* NISSAN	PUNCH CVT; CVTF EX-1 (SFU)
* 雷诺	ELFMATIC
* RENAULT	P/N 22688912
* SATURN	GREEN 1V
* 斯巴鲁	LINEARTRONIC CVTF
* 斯巴鲁	LINEARTRONIC CVTF-II; P/N K0425Y0711
* 斯巴鲁	LINEARTRONIC CV-30 P/N K0425Y0710
* 斯巴鲁	e-CVTF
* 斯巴鲁	i-CVTF
* 斯巴鲁	HIGH TORQUE P/N K0421Y0700

规格、认证及推荐

* 铃木	CVT FLUID GREEN 1
* 铃木	CVT FLUID GREEN 2
* 铃木	CVTF 3320
* 铃木	NS-2
* 丰田/雷克萨斯	FE
* 丰田/雷克萨斯	TC

Reference No.
5800G3LONS3REV3

Last revised date:
19-05-25